

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN ĐẮK HÀ
TỈNH KON TUM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Hữu Sơn
2. Bà Dương Thị Mỹ Xuân

Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Hà tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: TDP1, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum

Chỗ ở hiện nay: 75A đường Lê Hữu T, TDP5, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum (Có mặt).

Bị đơn : Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: TDP1, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum.

Chỗ ở hiện nay: TDP5, thị trấn Đăk H, huyện Đăk H, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum vào ngày 23/12/2004. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau khoảng 01 tháng, sau đó tự nguyện đến với nhau, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng có tổ chức đám cưới. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm dẫn đến thường xuyên xảy ra

cải vã, ảnh hưởng đến công việc và việc học tập của con cái. Anh Tuấn lại ham mê cờ bạc. Nay, bản thân nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Nguyễn Văn T Anh, sinh ngày 13/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng, sinh ngày 01/12/2012. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà tham gia phiên tòa:

****Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:*** Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Thấy rằng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

****Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa:*** Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

****Về nội dung vụ án:*** Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum đề nghị HĐXX;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao 02 cháu là cháu Nguyễn Văn T Anh, sinh ngày 13/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”. Bị đơn anh Nguyễn Văn T cư trú tại TDP5, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum nên theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày mở phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Văn T thường xuyên vắng mặt ở nhà. Tòa án đã tiến hành xác minh anh Tuấn vẫn thường trú tại địa phương và không cất chuyển khẩu đi đâu, nên tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập anh Tuấn làm việc nhưng không có kết quả. Ngày 23/8/2022 tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật nhưng phiên tòa lần 1 phải hoãn vì vắng mặt anh Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa lần 2, anh Tuấn vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên xét xử lần này anh Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D đề nghị tiếp tục giải quyết vụ án. được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử là phù hợp.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Hà Mòn, huyện Đăk Hà theo giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 23/12/2004 là hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc. Anh, chị có tổ chức đám cưới có sự chứng kiến của họ hàng và bạn bè. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân, là do các bên thường xuyên bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, lâu dần tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn tin tưởng, tôn trọng và yêu thương nhau. Anh Tuấn ham mê cờ bạc. Qua xác minh bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị D là ông Nguyễn Văn Luân và bà Vũ Thị Luận được biết trong cuộc sống anh Tuấn ham mê cờ bạc, mặc dù gia đình khuyên can nhiều nhưng anh Tuấn không nghe, không bỏ được thói hư tật xấu này, thậm chí phải bán nhà đến 03 lần cũng chỉ vì Tuấn ham mê cờ bạc. Năm 2013 chị Nguyễn Thị D cũng từng nộp đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T nhưng rút đơn đề vợ chồng về đoàn tụ xây dựng lại hạnh phúc gia đình. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, giữa hai người không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và không có động thái gì thể hiện muốn níu kéo hạnh phúc gia đình.

Nhận thấy, mâu thuẫn giữa chị Diên và anh Tuấn đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị D với anh Nguyễn Văn T.

[2.2] *Về con chung:* Giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị D 02 con chung tên là cháu Nguyễn Văn T Anh, sinh ngày 13/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng, sinh ngày 01/12/2012. Khi ly hôn chị Nguyễn Thị D có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh Nguyễn Văn T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hai cháu Nguyễn Văn T Anh, sinh ngày 13/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng, sinh ngày 01/12/2012 trong quá trình giải quyết vụ án các cháu trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ. Hiện 02 cháu đang do chị Diên trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc anh Tuấn không quan tâm gì đến các cháu.

Về tài chính, chị Nguyễn Thị D hiện đang là chủ cửa hàng may rèm màn. Có mức thu nhập ổn định bình quân giao động từ 7.000.000 đ đến gần 10.000.000 đ/tháng. Còn anh Phạm Văn Tuấn quá trình giải quyết vụ án không cung cấp bất cứ giấy tờ gì chứng minh nguồn thu nhập của mình cũng như không nêu ý kiến của mình về việc bản thân có nguyện vọng nuôi con hay không nên HĐXX không có cơ sở xem xét.

Do đó, để đảm bảo sự phát triển về vật chất lẫn tinh thần cho các cháu, thể theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Văn T Anh và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng. Căn cứ vào khả năng thu nhập của chị Nguyễn Thị D. Hội đồng xét xử xét thấy, việc giao Nguyễn Văn T Anh, sinh ngày 13/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng, chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn Tuấn phải cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét là phù hợp.

[3] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 51; 56; 81; 82 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 6; Điều 18; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao 02 cháu là cháu Nguyễn Văn T Anh, sinh ngày 13/11/2006 và cháu Nguyễn Văn Tiến Hùng, sinh ngày 01/12/2012 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và sống tự lập được. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con không cố định. Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí chị Diên đã nộp theo biên lai thu số 0001670 ngày 13/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2022). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh Kon Tum;
- VKSND huyện Đắk Hà;
- Chi cục THADS huyện Đắk Hà;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Nga

